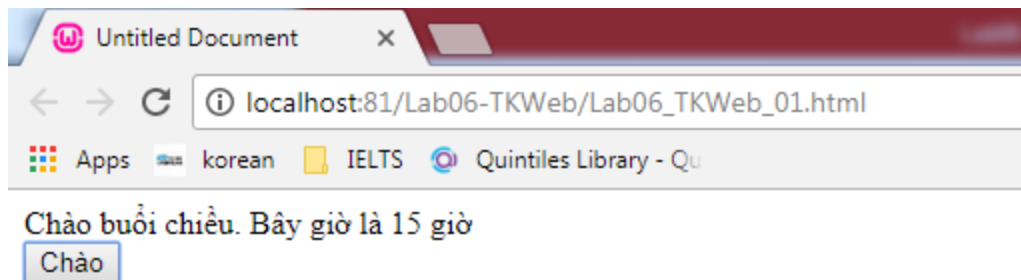
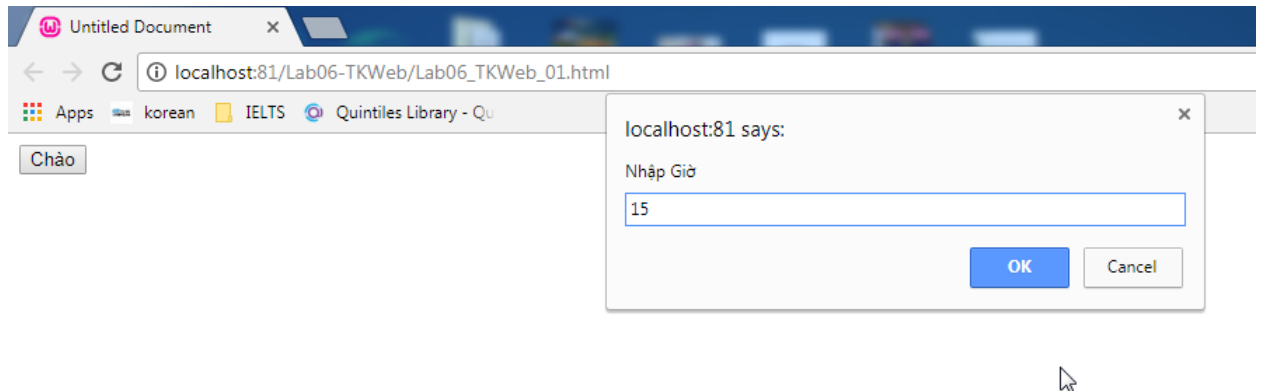


Lab06 – TKWeb – JQuery&PHP

1/ Sử dụng thư viện JQuery CDN (Content Delivery Network) online

Yêu cầu : Viết một trang web có sử dụng thư viện JQuery CDN như sau

- Khi chạy chương trình sẽ hỏi nhập giờ (từ 0..24)
- Sau khi nhập xong thì nhấn nút chào
- Tùy theo giờ nhập CT sẽ xuất câu : Chào buổi Sáng/Chiều/Tối



Hướng dẫn:

- Dùng thư viện jquery google sau thêm vào script ở thẻ head:
<https://ajax.googleapis.com/ajax/libs/jquery/3.2.1/jquery.min.js>
- Thẻ body tạo một div và button như sau

```
<body>

<div id="HelloDiv"> </div>
<button> Chào </button>

</body>
```

- Viết script jquery gọi hàm ngay khi trang web được load lên
 - o Lưu ý có thể viết tắt là \$(function() {...}); còn không viết đầy đủ là \$(document).ready(fucntion()){...});
 - o Câu lệnh jquery \$("button").click(function(){...}); và khai báo hàm thực hiện khi thẻ button được nhấn. Chúng ta có thể dùng # và . nếu button đó có id hoặc class

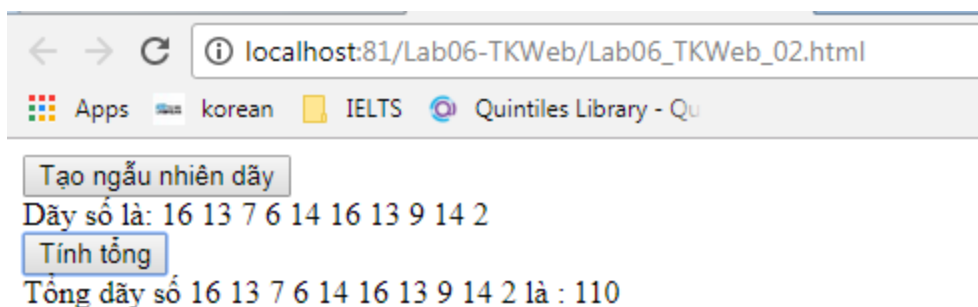
```
<script src="https://ajax.googleapis.com/ajax/libs/jquery/3.2.1/jquery.min.js"></script>
<script>
    $(function() {
        var timeHr = prompt("Nhập Giờ");
        alert("Nhấn nút Chào để xem kết quả");
        $("button").click(function() {
            var str;
            if(timeHr <= 12)
                str = "Chào buổi sáng";
            else
                if(timeHr <= 17)
                    str = "Chào buổi chiều";
                else
                    str = "Chào buổi tối";

            str = str + ". Bây giờ là " + timeHr + " giờ";
            $("#HelloDiv").append(str);
        });
    });
</script>
```

2/ Sử dụng thư viện JQuery tải về

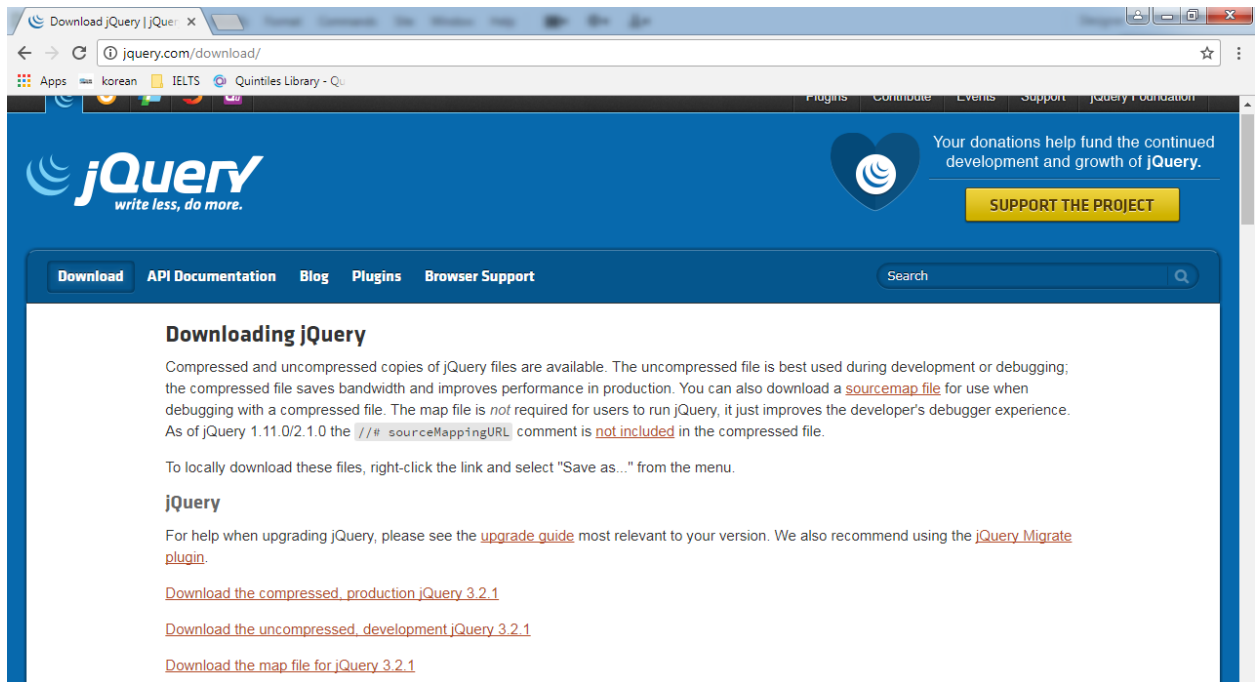
Yêu cầu : Viết một trang web có sử dụng thư viện JQuery tải về như sau

- Nhấn nút “Tạo ngẫu nhiên dãy” để ngẫu nhiên tạo 10 số trong khoảng 1 đến 20
- Nhấn nút “Tính tổng” để tính tổng các dãy số vừa tạo

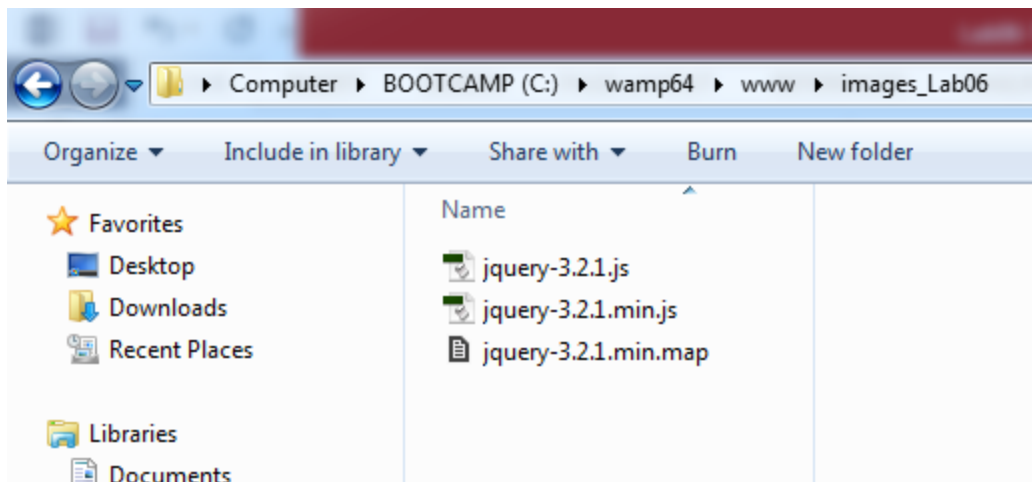


Hướng dẫn:

- Vào trang <http://jquery.com/download/> download các nội dung sau vào máy tính



- Hoặc lấy trong thư mục đã download sẵn là "images_Lab06"



- Thêm đoạn script và src đến các file này. Ví dụ như cần sử dụng jquery-3.2.1.js

```
<script src="../../images_Lab06/jquery-3.2.1.js"> </script>
```
- Tạo giao diện chương trình gồm hai nút bấm và hai thẻ div để hiển thị kết quả

```

<body>
<button class="RandomBtn"> Tạo ngẫu nhiên dãy </button>
<div id="RandomDiv"> </div>
<button class="SumBtn"> Tính tổng </button>
<div id="SumDiv"> </div>
</body>

```

- Viết jquery cho hai sự kiện nhấn nút. Tất cả nên để trong sự kiện khởi tạo trang
 - o Dùng thư viện Math để gọi hàm random và floor (làm tròn xuống)
 - o Dùng append để kết chuỗi

```

<title>Untitled Document</title>
<script src="../images_Lab06/jquery-3.2.1.js"> </script>
<script>
    $(function() {
        var NumArr = "";
        $("button.RandomBtn").click(function() {
            // Random number from 1 to 20
            for(i = 0; i < 10; i++)
                NumArr = NumArr + Math.floor((Math.random() * 20) + 1) + " ";
            $("#RandomDiv").append("Dãy số là: " + NumArr);
        });

        $("button.SumBtn").click(function() {
            var EleNum = NumArr.split(' ');
            var Sum = 0;
            /*for(i = 0; i < EleNum.length ; i++)
                Sum = Sum + Number(EleNum[i]);
            */
            $.each(EleNum, function(index,value) {
                Sum = Sum + Number(value);
            });

            $("#SumDiv").append("Tổng dãy số " + NumArr + " là : " + Sum);
        });
    });
</script>

```

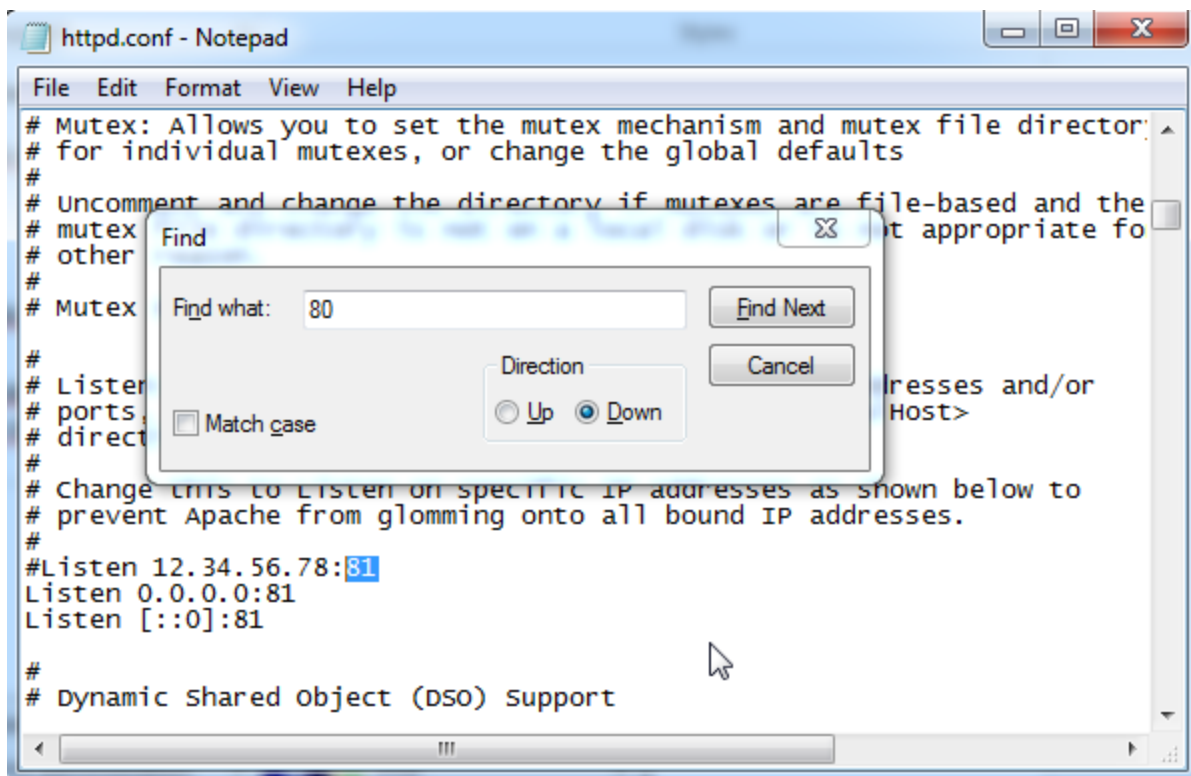
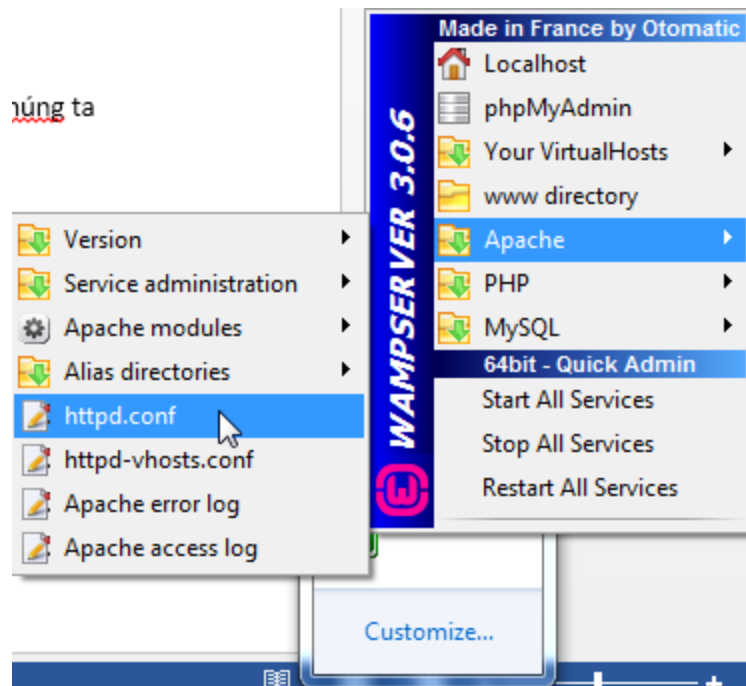
3/ Chỉnh sửa đảm bảo mô hình client server trên máy cá nhân.

Yêu cầu : Chỉnh sửa trên wamp và dreamweaver để đảm bảo mô hình client (web browser) và server (wamp apache)

Hướng dẫn :

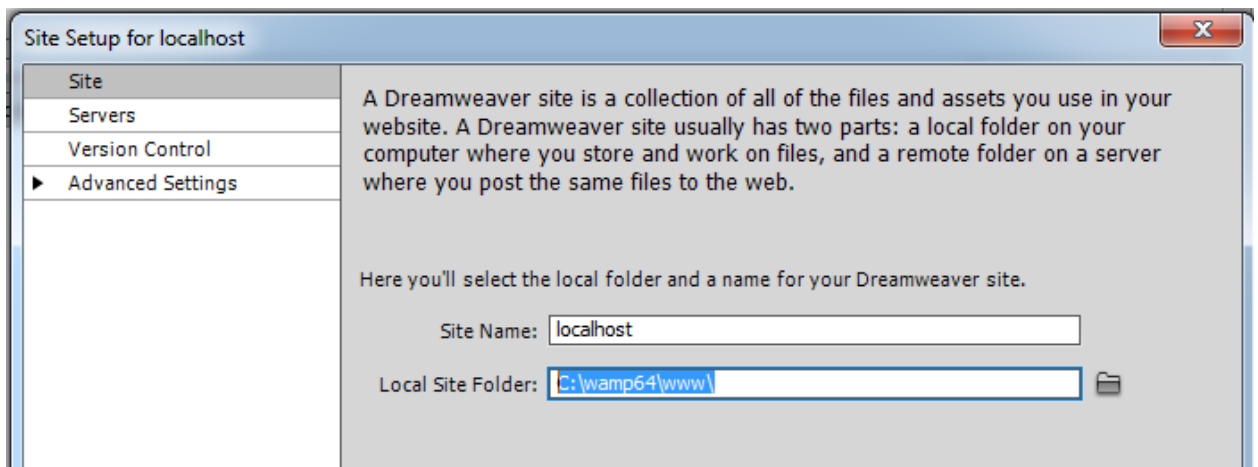
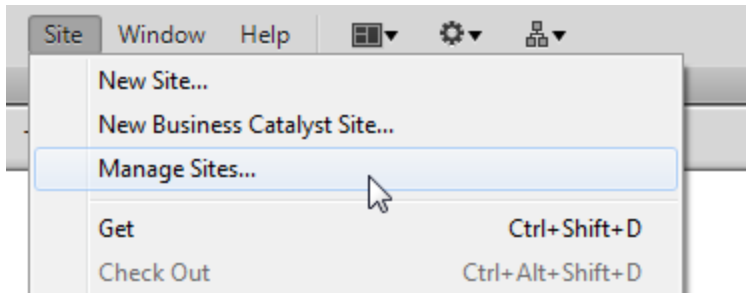
- Để tránh đụng port với các ứng dụng khác ta sẽ chọn port là 81 cho web server của chúng ta bằng cách.
 - o Nhấn trái chuột vào biểu tượng Wamp. Chọn Apache > httpd.conf

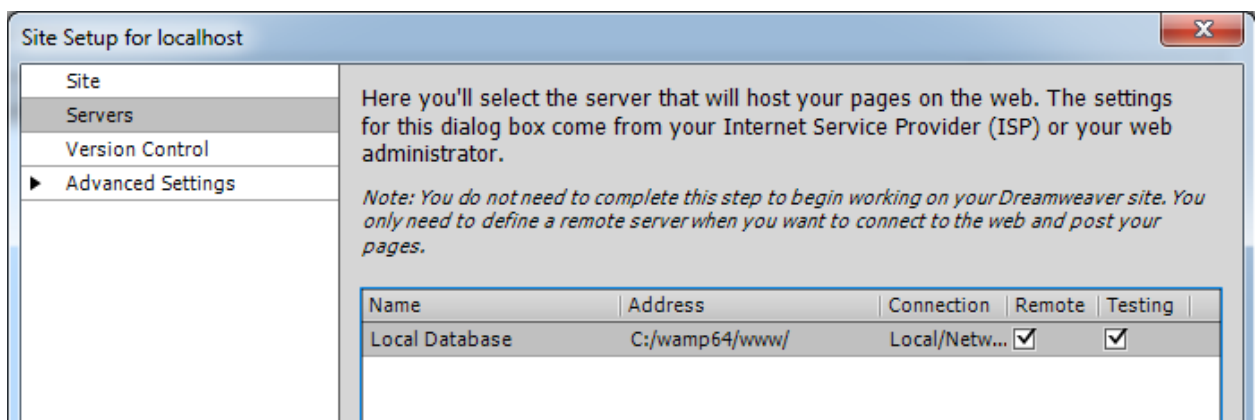
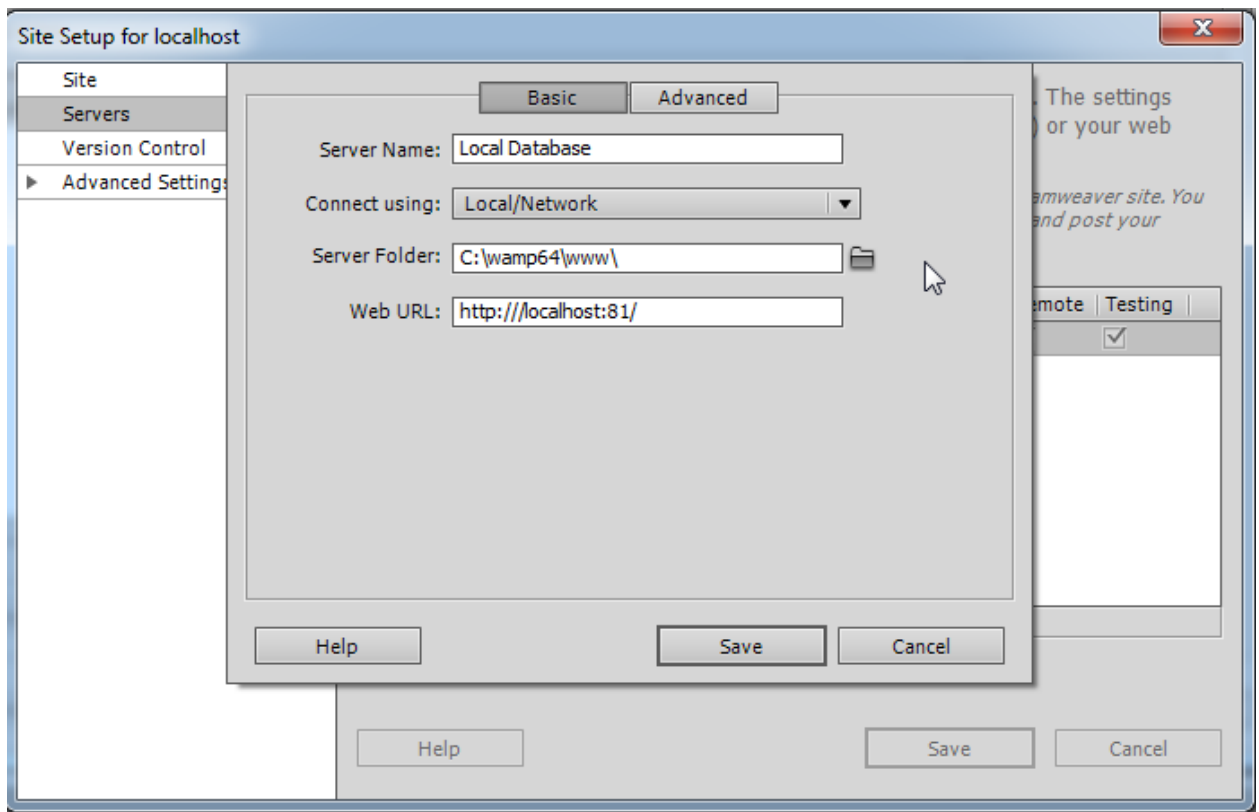
- Nhấn Ctrl +F tìm các vị trí 80 thay bằng 81



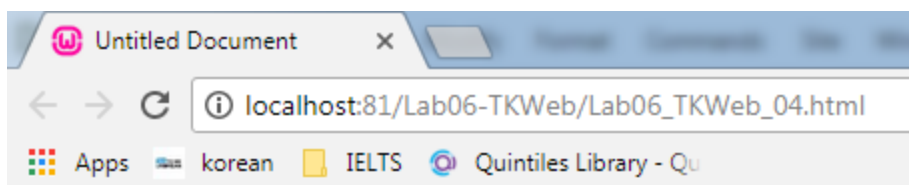
- Trong dreamweaver ta chỉnh sửa như sau
 - Vào Site > Manage Sites
 - Nhấn vào New Sites

- Tại mục Site gõ Site Name : localhost và Local Sites Folder : C:\wamp64\www\
- Tại mục Servers thêm như hình và check vào Testing





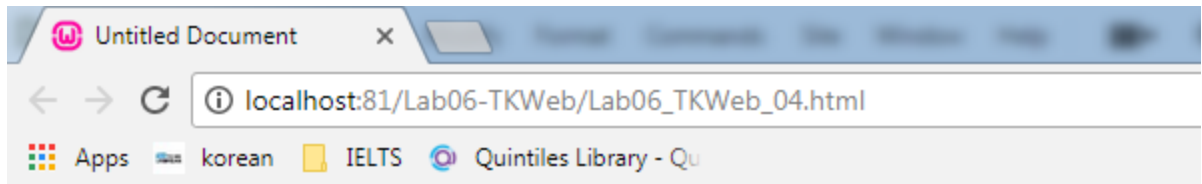
- Khi dùng dreamweaver chạy bất kỳ trang web nào thấy trên thanh address có chữ localhost:81 là thành công



4/ Sử dụng code PHP thực thi tại server

Yêu cầu : Tạo một trang web đơn giản có sử dụng code PHP thực thi tại server và trả kết quả về lại client như sau

- Tạo một form đăng ký như sau



PHP Form Validation Example

* required field.

Name: *

E-mail: *

Website:

Comment:

Gender: ☐ Female ☐ Male *

Your Input:

Name :

Email :

Website :

Comment :

Gender :

- Khi người dùng không nhập các ô “required field” và nhấn nút “Submit” thì sẽ hiện dòng chữ như sau

PHP Form Validation Example

* required field.

Name: * Name is required

E-mail: * Email is required

Website:

Hướng dẫn :

- Trong thẻ body tạo một form theo yêu cầu. Tuy nhiên cần lưu ý sau :
 - o Form sẽ có method là post hoặc get tùy vào mong muốn của chúng ta
 - Post : thì nội dung gửi sẽ đóng thành gói tin (bảo mật hơn và dung lượng gửi lớn hơn)
 - Get : thì nội dung gửi server sẽ hiển thị trên thanh address bar
 - o Form có action là một đoạn code PHP với echo gửi lại cho client là htmlspecialchars(\$_SERVER["PHP_SELF"]) nghĩa là gửi lại chính trang web gốc mà người dùng nhấn nút submit kèm thêm thông tin các biến \$nameErr, \$emailErr, \$websiteErr, \$genderErr hiển thị lỗi nếu nhập sai
 - o Các biến \$nameErr, \$emailErr, \$websiteErr, \$genderErr sẽ có giá trị từ server gửi về cho client. Nếu người dùng nhập đúng thì các biến này sẽ là "" còn nhập sai thì các biến này sẽ là chuỗi báo lỗi (VD: "Email is required")
 - o Đoạn code PHP lồng trong thẻ span có dạng

```
<span class="error">* <?php echo $emailErr;?></span>
```

Nghĩa là thẻ span sẽ có nội dung chính là chuỗi \$emailErr trả về từ server

```
<style>
.error {color: #FF0000;}
</style>
```

```

<body>
<h2>PHP Form Validation Example</h2>
<p><span class="error">* required field.</span></p>
<form method="post" action="<?php echo htmlspecialchars($_SERVER["PHP_SELF"]);?>">
  Name: <input type="text" name="name">
  <span class="error">* <?php echo $nameErr;?></span>
  <br><br>
  E-mail: <input type="text" name="email">
  <span class="error">* <?php echo $emailErr;?></span>
  <br><br>
  Website: <input type="text" name="website">
  <span class="error"><?php echo $websiteErr;?></span>
  <br><br>
  Comment: <textarea name="comment" rows="5" cols="40"></textarea>
  <br><br>
  Gender:
  <input type="radio" name="gender" value="female">Female
  <input type="radio" name="gender" value="male">Male
  <span class="error">* <?php echo $genderErr;?></span>
  <br><br>
  <input type="submit" name="submit" value="Submit">
</form>

```

```

<?php
echo "<h2>Your Input:</h2>";
echo "Name : " . $name;
echo "<br>";
echo "Email : " . $email;
echo "<br>";
echo "Website : " . $website;
echo "<br>";
echo "Comment : " . $comment;
echo "<br>";
echo "Gender : " . $gender;
?>

</body>

```

- Giờ ta thêm đoạn code PHP chính mà server xử lý trong thẻ head ở đầu file html. Lưu ý
 - o `$_SERVER["REQUEST_METHOD"] == "POST"` giúp ta thực thi khi người dùng nhấn nút submit thực hiện Post thông tin về server
 - o Vì tất cả các thông tin trong form gửi về server đều là 1 cặp giá trị theo dạng Key – Value trong đó Key chính là name của đối tượng trên form. Còn Value chính là value nhập của đối tượng đó. Nên ta truy xuất các thông tin nhập rất dễ dàng. (Ví dụ truy xuất thông tin nhập vào ô tên name ta dùng `$_POST["name"]`)
 - o Hàm `test_input` thực hiện trim (xóa khoảng trắng đầu cuối), `stripslashes` (xóa các dấu comment), và `htmlspecialchars` (chuyển các ký tự đặc biệt thành ký tự html ví dụ chuyển "<" thành `<`) để tránh nguy cơ bị hack

```

<?php
// define variables and set to empty values
$nameErr = $emailErr = $genderErr = $websiteErr = "";
$name = $email = $gender = $comment = $website = "";

if ($_SERVER["REQUEST_METHOD"] == "POST") {
    if (empty($_POST["name"])) {
        $nameErr = "Name is required";
    } else {
        $name = test_input($_POST["name"]);
    }

    if (empty($_POST["email"])) {
        $emailErr = "Email is required";
    } else {
        $email = test_input($_POST["email"]);
    }

    if (empty($_POST["website"])) {
        $website = "";
    } else {
        $website = test_input($_POST["website"]);
    }

    if (empty($_POST["comment"])) {
        $comment = "";
    } else {
        $comment = test_input($_POST["comment"]);
    }

    if (empty($_POST["gender"])) {
        $genderErr = "Gender is required";
    } else {
        $gender = test_input($_POST["gender"]);
    }
}

function test_input($data) {
    $data = trim($data);
    $data = stripslashes($data);
    $data = htmlspecialchars($data);
    return $data;
}
?>

```

5/ Thực thi truy vấn dữ liệu từ database MySQL (Wamp tích hợp sẵn trong PHPmyadmin)

Yêu cầu : Viết một trang web kết nối và truy xuất dữ liệu từ Database MySQL như sau

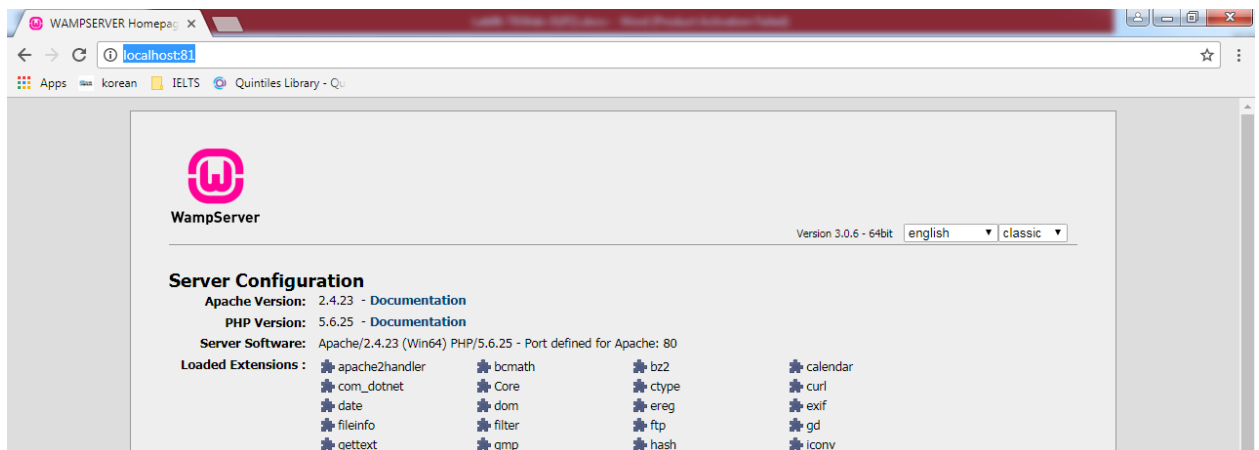
- Nhấn nút “Connect to MySQL” dữ liệu sẽ load vào bảng
- Tại ô Tìm Kiếm nhấn “J” sẽ tìm kiếm trên tất cả các ô và giữ lại dòng nào có chữ “J”

The screenshot shows a web browser window with the address bar displaying 'localhost:81/Lab06-TKWeb/Lab06_TKWeb_03.html'. Below the address bar, there is a 'Connect to MySQL' button. Below the button, there is a text input field with the placeholder text 'Type something in the input field to search the table for first names, last names or emails:'. The input field contains the letter 'J'. Below the input field, there is a message 'Connection to MySQL successfully.' followed by a table of search results.

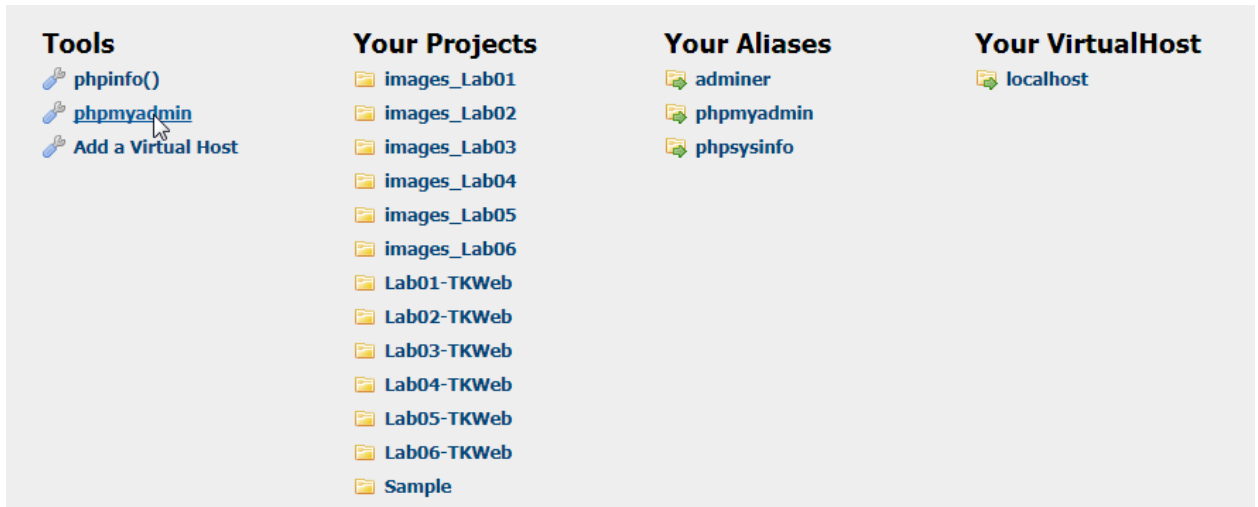
ID	Firstname	Lastname	Email
1	John	Doe	john@example.com
3	July	Dooley	july@greatstuff.com
4	Anja	Ravendale	a_r@test.com

Hướng dẫn:

- Mở trình duyệt Chrome lên gõ : <http://localhost:81/> ta sẽ thấy trang web sau hiện lên



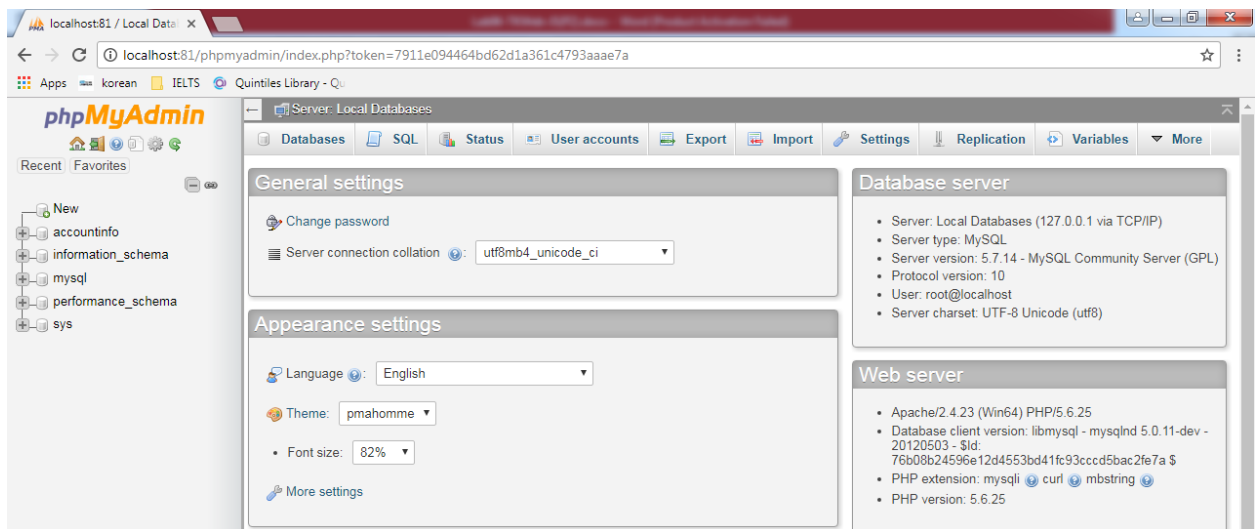
- Kéo xuống dưới ta sẽ thấy có mục phpmyadmin



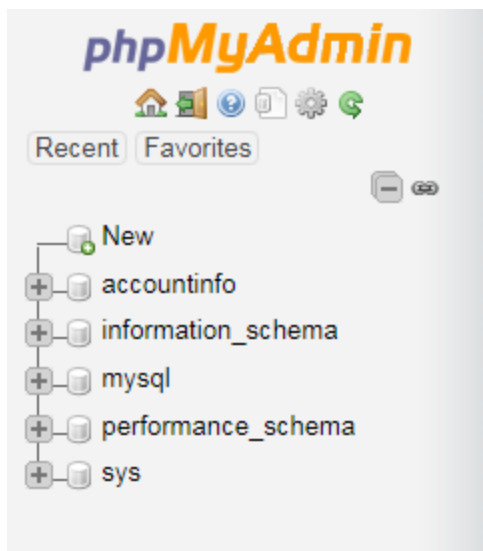
- Click vào ta sẽ chuyển sang trang đăng nhập sau. Nhập Username là root rồi nhấn Go

The image shows the login page of phpMyAdmin. At the top, there is a logo with a sailboat and the text 'phpMyAdmin', followed by the heading 'Welcome to phpMyAdmin'. Below this, there is a 'Language' section with a dropdown menu currently set to 'English'. Underneath is a 'Log in' section with a help icon. It contains two input fields: 'Username:' with the value 'root' and 'Password:' which is empty. At the bottom right of the login section is a 'Go' button.

- Ta sẽ được chuyển sang trang mới



- Tại phần Explorer bên trái ta nhấn New để tạo một database (Cơ Sở Dữ Liệu) mới. Đặt tên là accountinfo



- Tiếp đó ta tạo một bảng account gồm 4 cột và nhấn Go

Create table

Name:

Number of columns:

Go

- Tạo các cột cho bảng lần lượt là FirstName, LastName, Email và ID. Riêng ID ta đặt là khóa chính Primary. Sau đó nhấn save.

Structure								
Name	Type	Length/Values	Default	Collation	Attributes	Null	Index	
FirstName	VARCHAR	20	None			<input type="checkbox"/>	---	<input type="checkbox"/>
LastName	VARCHAR	20	None			<input type="checkbox"/>	---	<input type="checkbox"/>
Email	VARCHAR	50	None			<input type="checkbox"/>	---	<input type="checkbox"/>
ID	INT		None			<input type="checkbox"/>	PRIMARY	<input type="checkbox"/>

- Kết quả ta có :

Server: Local Databases » Database: Test » Table: account										
#	Name	Type	Collation	Attributes	Null	Default	Comments	Extra	Action	
1	FirstName	varchar(20)	latin1_swedish_ci		No	None			Change Drop Primary Unique Index Spatial More	
2	LastName	varchar(20)	latin1_swedish_ci		No	None			Change Drop Primary Unique Index Spatial More	
3	Email	varchar(50)	latin1_swedish_ci		No	None			Change Drop Primary Unique Index Spatial More	
4	ID	int(11)			No	None			Change Drop Primary Unique Index Spatial More	

- Sau đó nhấn Insert và thêm 4 dòng dữ liệu như sau vào bảng cho đúng

FirstName	LastName	Email	ID
John	Doe	john@example.com	1
Mary	Moe	mary@mail.com	2
July	Dooley	july@greatstuff.com	3
Anja	Ravendale	a_r@test.com	4

- Xây dựng form như yêu cầu của trang web như sau. Lưu ý :
 - o Khi nhấn nút “Connect to MySQL” ta sẽ gọi hàm ConnectToMySQL
 - o Bảng AccountDiv hiện chỉ có tiêu đề
 - o Ta có một CSS để chỉnh bảng AccountDiv cho đẹp

```
<script src="../images_Lab06/jquery-3.2.1.js"> </script>
<link href="Lab06_TKWeb_03.css" rel="stylesheet" type="text/css" />
```

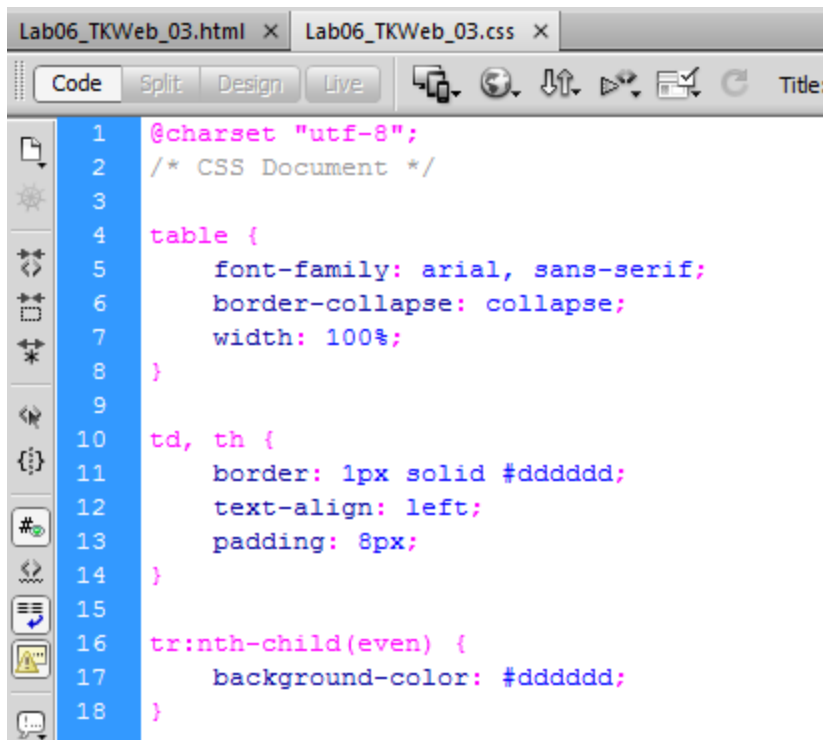
```

<body>
<form method="post">
    <input type="button" value="Connect to MySQL" onclick="ConnectToMySQL()" > <br />
</form>

<p>Type something in the input field to search the table for first names, last names or emails:</p>
<input id="myInput" type="text" placeholder="Search..">
<br><br>

<br>
<div id="AccountDiv">
    <table>
        <tr>
            <th>ID</th>
            <th>Firstname</th>
            <th>Lastname</th>
            <th>Email</th>
        </tr>
    </table>
</div>
</body>

```



- Hàm ConnectToMySQL trong đoạn có một số lưu ý sau
 - o Dùng xmlhttp để tạo một đối tượng XMLHttpRequest. XMLHttpRequest sẽ giúp chúng ta chủ động gửi yêu cầu đến Server kèm theo tham số mong muốn
 - o Đoạn code


```
xmlhttp.open("GET","Lab06_TKWeb_03.php?ConnectType=" + ConnectType,true);
```

 giúp chúng ta kèm theo thông tin ConnectType với file php khi gói httprequest gửi cho server.

- Sự kiện xmlhttp.onreadystatechange=function() { .. } chính là sự kiện thực hiện hàm function khi có kết quả mà server trả về
 - Các kết quả trả về của server sẽ nằm trong this.responseText
 - Chúng ta sẽ lấy kết quả này gắn vào bảng AccountDiv

```
<script>
function ConnectToMySQL() {
    var ConnectType = "ConnectToMySQL";
    if (window.XMLHttpRequest) {
        // code for IE7+, Firefox, Chrome, Opera, Safari
        xmlhttp=new XMLHttpRequest();
    } else { // code for IE6, IE5
        xmlhttp=new ActiveXObject("Microsoft.XMLHTTP");
    }
    xmlhttp.onreadystatechange=function() {
        if (this.readyState==4 && this.status==200) {
            document.getElementById("AccountDiv").innerHTML=this.responseText;
        }
    }
    xmlhttp.open("GET","Lab06_TKWeb_03.php?ConnectType=" + ConnectType,true);
    xmlhttp.send();
}
</script>
</head>
```

- Từ Dreamweaver ta tạo một file Lab06_TKWeb_03.php có nội dung như sau. Lưu ý
 - Ví trong đoạn code php này có echo (trả về cho client) các dòng dữ liệu nằm trong bảng nên ta vẫn phải kèm theo css để định dạng bảng cho đúng
 - Trong phần trên ta có ConnectType được gửi kèm với file php nên ta hoàn toàn có thể lấy giá trị này tại server bằng lệnh \$_GET['ConnectType'] (Lưu ý ta đang dùng GET)
 - Dùng lệnh mysqli để connect đến MySQL
 - Dùng query để thực thi truy vấn
 - Dùng fetch_assoc để lấy từng dòng dữ liệu. Giá trị thu nhận cũng có dạng Key-Value với Key là tên cột và Value là giá trị tại cột đó. Nên ta truy xuất dễ dàng bằng \$row['FirstName'].
 - Vậy server sẽ gửi về cho chúng ta một bảng các giá trị và bảng này sẽ gắn vào bảng AccountDiv nhờ lệnh mà chúng ta đã có ở trên

```
xmlhttp.onreadystatechange=function() {
    if (this.readyState==4 && this.status==200) {
        document.getElementById("AccountDiv").innerHTML=this.responseText;
    }
}
```

- Dấu "." Dùng để kết chuỗi

```
<!DOCTYPE html>
<html>
<head>
<link href="Lab06_TKWeb_03.css" rel="stylesheet" type="text/css" />
</head>
<body>

<?php
    $Type = $_GET['ConnectType'];

    if(strcmp($Type, 'ConnectToMySQL') == 0)
    {
        $servername = "localhost";
        $username = "root";
        $password = "";
        $dbname = "accountinfo";

        // Create connection
        $conn = new mysqli($servername, $username, $password, $dbname);

        // Check connection
        if ($conn->connect_error) {
            echo "Connection to MySQL could not be established.<br />";
            die("Connection failed: " . $conn->connect_error);
        }else {
            echo "Connection to MySQL successfully.<br />";
        }
    }

    $sql = "SELECT FirstName, LastName, Email, ID FROM account";
    $result = $conn->query($sql);
```

```

echo "<table>
<thead>
<tr>
<th>ID</th>
<th>Firstname</th>
<th>Lastname</th>
<th>Email</th>
</tr>
</thead>
<tbody id='myTable'>";
while($row = $result->fetch_assoc()) {
    echo "<tr>";
    echo "<td>" . $row['ID'] . "</td>";
    echo "<td>" . $row['FirstName'] . "</td>";
    echo "<td>" . $row['LastName'] . "</td>";
    echo "<td>" . $row['Email'] . "</td>";
    echo "</tr>";
}
echo "</tbody></table>";
mysqli_close($conn);
?>
</body>
</html>

```

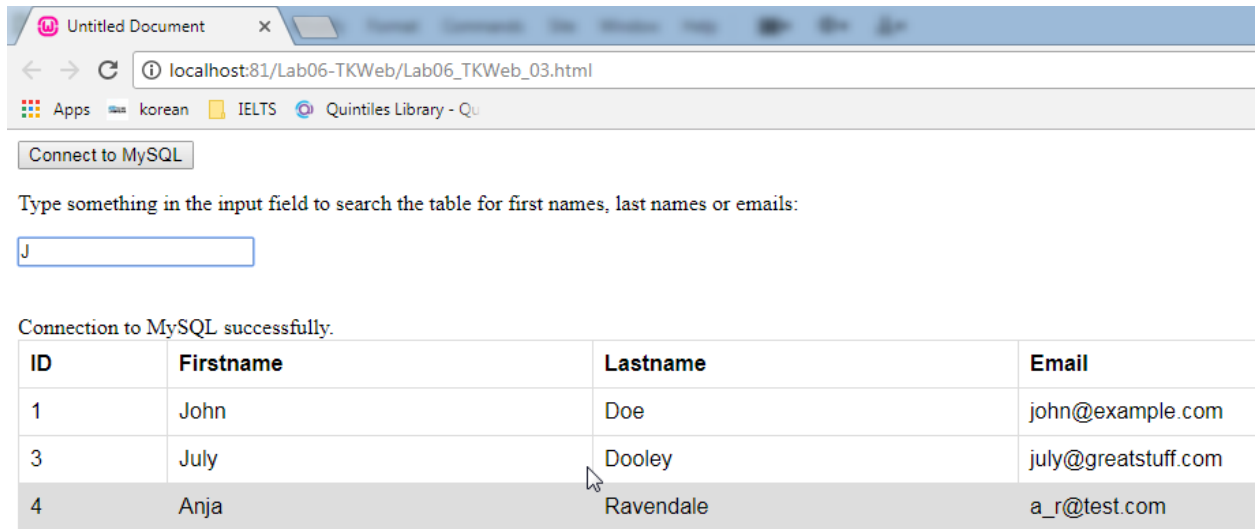
- Cuối cùng trong file ta thêm JQuery để thực hiện chức năng tìm kiếm. Lưu ý:
 - o Filter giúp xét từng dòng của bảng
 - o Lệnh toggle giúp ẩn hiện các giá trị của mỗi dòng mà thỏa điều kiện
 - o indexOf giúp kiểm tra vị trí của một chuỗi có nằm trong một chuỗi hay không

```

<script>
$(document).ready(function() {
    $("#myInput").on("keyup", function() {
        var value = $(this).val().toLowerCase();
        $("#myTable tr").filter(function() {
            $(this).toggle($(this).text().toLowerCase().indexOf(value) > -1)
        });
    });
});
</script>

```

- Kết quả cuối cùng



Connect to MySQL

Type something in the input field to search the table for first names, last names or emails:

J

Connection to MySQL successfully.

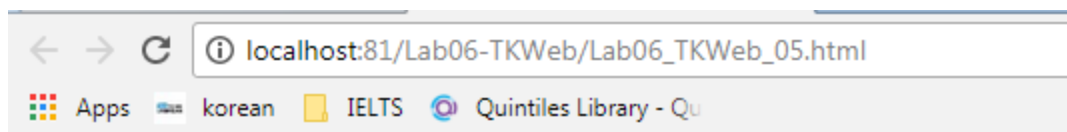
ID	Firstname	Lastname	Email
1	John	Doe	john@example.com
3	July	Dooley	july@greatstuff.com
4	Anja	Ravendale	a_r@test.com

6/ Thực hiện gửi một JSON lên server và nhận về JSON (Javascript Object Notation)

Yêu cầu : Viết một trang web thực hiện thao tác gửi một JSON lên và nhận về một JSON từ server như sau:

- Trong ví dụ này JSON của chúng ta có dạng
`obj = { "table": "account", "FirstName": "%J%", "Email": "%com%" };`

là chúng ta mong muốn lấy các dòng từ database account. Các dòng dữ liệu phải có FirstName chứa chữ J và Email chứa chữ com



← → ↻ localhost:81/Lab06-TKWeb/Lab06_TKWeb_05.html

Apps korean IELTS Quintiles Library - Qu

Connect to MySQL

Type something in the input field to search the table for first names, last names or emails:

J

Connection to MySQL successfully.

ID	Firstname	Lastname	Email
1	John	Doe	john@example.com
3	July	Dooley	july@greatstuff.com
4	Anja	Ravendale	a_r@test.com

Get data as JSON from a PHP file on the server.

Get JSON from Server

1-John-Doe-john@example.com
 3-July-Dooley-july@greatstuff.com
 4-Anja-Ravendale-a_r@test.com

Hướng dẫn:

- Giới thiệu JSON

JSON là chữ viết tắt của **J**avascript **O**bject **N**otation, đây là một dạng dữ liệu tuân theo một quy luật nhất định mà hầu hết các ngôn ngữ lập trình hiện nay đều có thể đọc được, bạn có thể sử dụng lưu nó vào một file, một record trong CSDL rất dễ dàng. JSON có định dạng đơn giản, dễ dàng sử dụng và truy vấn hơn XML rất nhiều nên tính ứng dụng của nó hiện nay rất là phổ biến, theo tôi thì trong tương lai tới trong các ứng dụng sẽ sử dụng nó là đa số.

Ví dụ dưới đây mình định nghĩa một chuỗi JSON lưu trữ thông tin cá nhân của mình như sau, đây là ví dụ quan trọng nhất của phần **json là gì** này.

```
1 {  
2   "username" : "thehalfheart",  
3   "email" : "thehalfheart@gmail.com",  
4   "website" : "freetuts.net",  
5   "title" : "Học lập trình với JSON"  
6 }
```

Như vậy cú pháp của JSON rất đơn giản là mỗi thông tin dữ liệu sẽ có 2 phần đó là **key** và **value**, điều này tương ứng trong CSDL

- Thẻ body có dạng sau
 - o Div demo để hiển thị kết quả
 - o Hàm thực thi khi nhấn nút là ConnectToMySQL()

```
<body>  
  
<h2>Get data as JSON from a PHP file on the server.</h2>  
<input type="button" value="Get JSON from Server" onclick="ConnectToMySQL()" > <br />  
<p id="demo"></p>  
  
</body>
```

- Hàm ConnectToMySQL ngoài connect to MySQL còn thực hiện gửi và nhận JSON như sau. Lưu ý
 - o Ta định nghĩa một JSON obj
 - o Chuyển JSON này thành dạng chuỗi để gửi đi ta dùng hàm stringify
 - o Tạo một XMLHttpRequest để gửi cho server. Thông tin dbParam được gửi kèm theo Lab06_TKWeb_05.php cho server
 - o Hàm cho sự kiện trả về từ server ta dùng JSON.parse để chuyển thành dạng JSON gốc
 - o Truy cập từng phần tử JSON dễ dàng bằng Key-Value
 - o Đưa các giá trị đó và thẻ div demo để hiển thị trên trang web

```

<script src="../../../images_Lab06/jquery-3.2.1.js"> </script>
</head>
<script>
function ConnectToMySQL() {
    var obj, dbParam, xmlhttp, myObj, x, txt = "";
    obj = { "table":"account", "FirstName":"%J%", "Email":"%com%" };
    dbParam = JSON.stringify(obj);
    if (window.XMLHttpRequest) {
        // code for IE7+, Firefox, Chrome, Opera, Safari
        xmlhttp=new XMLHttpRequest();
    } else { // code for IE6, IE5
        xmlhttp=new ActiveXObject("Microsoft.XMLHTTP");
    }
    xmlhttp.onreadystatechange = function() {
        if (this.readyState == 4 && this.status == 200) {
            myObj = JSON.parse(this.responseText);
            for (x in myObj) {
                txt += myObj[x].ID + "-" + myObj[x].FirstName ;
                txt += "-" + myObj[x].LastName + "-" + myObj[x].Email + "<br>";
            }
            document.getElementById("demo").innerHTML = txt;
        }
    };
    xmlhttp.open("GET", "Lab06_TKWeb_05.php?search=" + dbParam, true);
    xmlhttp.send();
}
</script>

```

- File Lab06_TKWeb_05.php có dạng như sau. Lưu ý
 - Ta phải thực hiện json_decode để chuyển từ JSON string thành JSON object
 - Ta thực hiện fetch_all để lấy các kết quả từ truy vấn CSDL
 - Thực hiện json_encode để chuyển kết quả này thành JSON và trả lại cho client xử lý và hiển thị

```

<?php
header("Content-Type: application/json; charset=UTF-8");
$obj = json_decode($_GET["search"], false);

$servername = "localhost";
$username = "root";
$password = "";
$dbname = "accountinfo";

// Create connection
$conn = new mysqli($servername, $username, $password, $dbname);

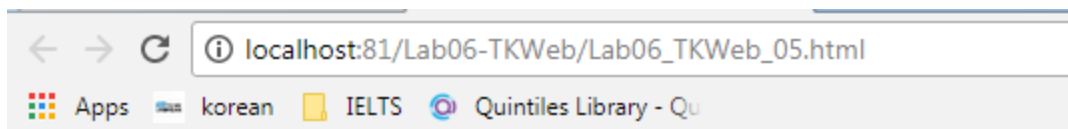
// Check connection
if ($conn->connect_error) {
    echo "Connection to MySQL could not be established.<br />";
    die("Connection failed: " . $conn->connect_error);
} else {
    $querystr = "SELECT ID, FirstName, LastName, Email FROM ".$obj->table;
    $querystr = $querystr." WHERE FirstName LIKE '" . $obj->FirstName . "'";
    $querystr = $querystr." AND Email LIKE '" . $obj->Email . "'";

    $result = $conn->query($querystr);
    $outp = array();
    $outp = $result->fetch_all(MYSQLI_ASSOC);

    echo json_encode($outp);
}
?>

```

- Kết quả ta có



Get data as JSON from a PHP file on the server.

Get JSON from Server

1-John-Doe-john@example.com
 3-July-Dooley-july@greatstuff.com
 4-Anja-Ravendale-a_r@test.com